
**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5 – 6
Báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét	7 – 38
<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>07 – 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>12 – 13</i>
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>14 – 38</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại và Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu tiền thân là Công ty TNHH Thương mại Dương Hiếu, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600341471 đăng ký lần đầu do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 30 tháng 06 năm 2003.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 28 lần thay đổi đăng ký kinh doanh. Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 28 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 31 tháng 7 năm 2019.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 28: 313.961.800.000 VND.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên.
Email : info@duonghieus.com.vn
Điện thoại : 036 5191 575
Mã số thuế : 4 6 0 0 3 4 1 4 7 1

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

<u>Tên chi nhánh</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty CP Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu tại Hà Nội	Số 59, đường Võ Chí Công, tổ 14 phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty CP Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu tại TP. Hồ Chí Minh	Số 92B Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty CP Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu tại Quảng Nam	Đội 10, thôn Quý Phước, Xã Bình Quý, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam
Chi nhánh Công ty CP Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu tại Đà Nẵng	Số 24, An Thượng 20, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh giữa niên độ

Tình hình tài chính giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này từ trang 07 đến trang 38.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOẢN SẢN DƯƠNG HIẾU

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Dương Hữu Hiếu	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Văn Tiến Đức	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2020
Ông Dương Hữu Hiếu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Trần Thanh Tùng	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Thành Vương	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Việt Hải	Ủy Viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Dương Hữu Hiếu	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Mai Thị Phương Hà	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2020

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Dương Xuân Trường	Trưởng ban
Bà Trương Thị Tuyết	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Oanh	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 8 năm 2020

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Dương Hữu Hiếu

5003
CÔNG
CỔ P
HƯƠNG
KHA
HOÀ
DƯƠNG
DUY



Kết nối - Phát triển

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

Số : 0607.02.01/2020/BCTC-NVT2
Ngày : 10 tháng 08 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Kính gửi : **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
DƯƠNG HIẾU**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng Sản Dương Hiếu, được lập ngày 10 tháng 8 năm 2020 từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng Sản Dương Hiếu chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam số 2410 - Chuẩn mực về hợp đồng dịch vụ soát xét; soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trụ Sở Chính:

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

102
CỔ
CHỈ
KIỂM
HÀM
31

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng Sản Dương Hiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Các kiểm toán viên của Công ty này đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với các vấn đề cụ thể như sau:

- Các kiểm toán viên tiền nhiệm không thể tham gia chứng kiến kiểm kê thực tế tiền mặt và hàng tồn kho tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, các kiểm toán viên cũng không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu đối với số dư tiền mặt và hàng tồn kho tại thời điểm kết thúc năm tài chính với giá trị được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 với lần lượt là 34.883.665.393 VND và 123.843.188.578 VND.
- Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá sẽ không phát sinh tổn thất đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt do đó không trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Với các thông tin đã thu thập được, các kiểm toán viên xác định nếu Công ty trích lập khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn nêu trên thì khoản mục “Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2019 sẽ tăng 11.519.389.803 đồng, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018, chỉ tiêu “Chi phí tài chính” sẽ tăng với số tiền 11.519.389.803 đồng và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” tại ngày 01 tháng 01 năm 2019 sẽ giảm đi tương ứng số tiền là 11.519.389.803 đồng. Đồng thời, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 Công ty sẽ hoàn nhập khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn nêu trên, theo đó trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019, chỉ tiêu “Chi phí tài chính” sẽ giảm đi số tiền 11.519.389.803 đồng. Vấn đề này không ảnh hưởng đến số liệu trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Các vấn đề trên không ảnh hưởng đến kết luận của chúng tôi.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2018-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		267.669.491.718	273.841.534.465
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.422.125.617	37.866.731.759
1. Tiền	111		5.422.125.617	37.866.731.759
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		116.232.007.502	111.860.663.986
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	76.070.899.876	119.885.313.533
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	5.669.019.695	5.314.945.186
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	52.892.564.338	5.058.131.904
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(18.400.476.407)	(18.397.726.637)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	143.665.180.407	121.914.668.270
1. Hàng tồn kho	141		143.665.180.407	123.843.188.578
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.928.520.308)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.350.178.192	2.199.470.450
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	342.076.422	895.956.889
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.006.959.825	1.302.371.616
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.141.945	1.141.945
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		293.058.881.944	295.445.855.382
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.185.550.484	3.185.550.484
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	3.185.550.484	3.185.550.484
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		90.574.860.388	92.667.452.245
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	12.178.284.599	13.544.046.098
<i>Nguyên giá</i>	222		24.531.681.450	25.152.685.086
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(12.353.396.851)	(11.608.638.988)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	78.396.575.789	79.123.406.147
<i>Nguyên giá</i>	228		89.783.584.720	90.073.584.720
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(11.387.008.931)	(10.950.178.573)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		24.914.405.920	24.914.405.920
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	24.914.405.920	24.914.405.920
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		173.000.000.000	173.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.11	173.000.000.000	173.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.384.065.152	1.678.446.733
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	1.384.065.152	1.678.446.733
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		560.728.373.662	569.287.389.847

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		202.778.587.508	211.357.469.737
I. Nợ ngắn hạn	310		202.778.587.508	211.200.532.237
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	85.498.953.824	56.261.085.718
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	4.466.390.107	21.438.468.218
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	2.492.858.583	2.355.170.112
4. Phải trả người lao động	314		510.916.458	2.234.623.143
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	1.863.180.147	1.925.030.179
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	167.672.149	277.848.922
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	106.329.822.467	125.726.920.182
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.448.793.773	981.385.763
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	156.937.500
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	-	156.937.500
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		357.949.786.154	357.929.920.110
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	357.949.786.154	357.929.920.110
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		313.961.800.000	313.961.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		313.961.800.000	313.961.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(143.500.000)	(143.500.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.218.528.509	30.283.712.489
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.912.957.645	13.827.907.621
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.425.683.591	9.153.827.521
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		487.274.054	4.674.080.100
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		560.728.373.662	569.287.389.847

Người lập biểu



Hà Thị Hải Yến

Kế toán trưởng



Đặng Thiệu Hoa

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2020

Tổng Giám đốc




Dương Hữu Hiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	261.487.357.698	677.996.734.672
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		261.487.357.698	677.996.734.672
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	247.531.239.257	659.171.237.385
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.956.118.441	18.825.497.287
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.973.649	59.749.485
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.199.998.875	4.516.255.389
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.069.765.263	4.457.247.211
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.995.155.929	3.701.817.512
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.063.056.574	7.802.273.592
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		699.880.712	2.864.900.279
11. Thu nhập khác	31	VI.7	353.605.212	55.348.002
12. Chi phí khác	32	VI.8	407.770.037	2.141.272.438
13. Lợi nhuận khác	40		(54.164.825)	(2.085.924.436)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		645.715.887	778.975.843
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		158.441.833	353.055.464
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		487.274.054	425.920.379
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	15,52	13,57

Người lập biểu

Hà Thị Hải Yến

Kế toán trưởng

Đặng Thiệu Hoa

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2020



Tổng Giám đốc

Dương Hữu Hiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	645.715.887	778.975.843
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.770.014.985	1.760.134.906
- Các khoản dự phòng	03	(1.925.770.538)	96.624.522
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(70.080)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(133.942.232)	(56.846.097)
- Chi phí lãi vay	06	5.069.765.263	4.457.247.211
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.425.783.365	7.036.066.305
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(11.124.136.040)	(112.344.387.230)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(19.821.991.829)	(6.159.086.644)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	10.845.396.845	99.773.467.372
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	848.262.048	1.125.718.105
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.170.186.221)	(4.598.601.625)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(350.252.439)	(700.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(631.077.007)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(19.347.124.271)	(16.497.900.724)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	(608.327.273)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	500.000.000	863.636.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(505.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	505.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	6.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.973.649	5.767.366
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.501.973.649	261.076.457

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-			
3. Tiền thu từ đi vay	33		126.233.548.005		212.894.393.566	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(145.833.003.525)		(201.372.809.051)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19.599.455.520)		11.521.584.515	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(32.444.606.142)		(4.715.239.752)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	37.866.731.759		9.174.384.903	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-		70.080	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	5.422.125.617		4.459.215.231	

Người lập biểu

Hà Thị Hải Yến

Kế toán trưởng

Đặng Thiệu Hoa

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2020

Tổng Giám đốc



Dương Hữu Hiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, thương mại và dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh:**
Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Vật liệu chịu lửa, gạch chịu lửa, sơn, gỗ cây, gỗ chế biến, đá ốp lát, thiết bị vệ sinh và các thiết bị, vật liệu xây dựng khác.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại hàng hóa và dịch vụ xây lắp.

- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường** Trong vòng 12 tháng
- Tổng số lao động tính đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2020** 61 người.
- Cấu trúc doanh nghiệp:**
Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty CP Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu tại Hà Nội	Số 59, đường Võ Chí Công, tổ 14 phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty CP Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu tại TP. Hồ Chí Minh	Số 92B Nguyễn Hữu Cánh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty CP Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu tại Quảng Nam	Đội 10, thôn Quý Phước, Xã Bình Quý, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam
Chi nhánh Công ty CP Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu tại Đà Nẵng	Số 24, An Thượng 20, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng

Các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt	Số 59, đường Võ Chí Công, tổ 14 phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội	45,00%
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại và Đầu tư Hưng Phát	Số 052, phố Ngọc Uyển, phường Phố Mới, TP. Lào Cai	31,67%

- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu trên BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2020 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2019 và Báo cáo tài chính năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

i. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá theo số thực tế có thể thu hồi.

ii. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc và thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5
Tài sản cố định khác	10 – 20

b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là TSCĐ vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa vào giá trị tài sản khi có đủ điều kiện theo qui định chuẩn mực kế toán Việt nam số 16 “ Chi phí đi vay”.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

102
TY
HỮU
DÁI
VII
10/2020
M
M
L
S
E
11/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

18. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.767.616.329	34.883.665.393
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.654.509.288	2.983.066.366
Cộng	<u>5.422.125.617</u>	<u>37.866.731.759</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ GLOBAL Hung Gia	6.757.967.000	20.357.967.000
Công ty TNHH thương mại Dịch Sơn	17.686.743.131	17.686.743.131
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	36.494.382.083	10.027.747.840
Công ty TNHH Thương mại Thái Hưng	-	32.777.824.453
Công ty TNHH Tân Phát Vượng	-	11.237.590.960
Bà Nghiêm Tú Hằng (*)	-	6.000.000.000
Các khách hàng khác	15.131.807.662	21.797.440.149
Cộng	<u>76.070.899.876</u>	<u>119.885.313.533</u>

(*) Là khoản phải thu tiền chuyển nhượng Cổ phần tại Công ty Cổ phần Thương mại và Khai thác khoáng sản miền Trung trong năm 2019.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thương mại Kiến trúc Nam Lộc Phát	2.800.000.000	2.800.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Á Âu	950.537.868	1.700.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.918.481.827	814.945.186
Cộng	<u>5.669.019.695</u>	<u>5.314.945.186</u>

4. Phải thu ngắn hạn dài hạn khác

a) Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Ký cược, ký quỹ	48.504.352.333	-	2.267.307.247	-
Tạm ứng	3.717.306.109	-	2.785.047.505	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	670.905.896	-	5.777.152	-
Cộng	<u>52.892.564.338</u>	<u>-</u>	<u>5.058.131.904</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**b) Phải thu dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	2.850.107.732	-	2.850.107.732	-
Bà Nguyễn Thị Hoài Giang - Tiền đặt cọc thuê mặt bằng (*)	2.850.107.732	-	2.850.107.732	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	335.442.752	-	335.442.752	-
Ký cược, ký quỹ	335.442.752	-	335.442.752	-
Cộng	3.185.550.484	-	3.185.550.484	-

(*) Là khoản đặt cọc cho bà Nguyễn Thị Hoài Giang (vợ ông Dương Hữu Hiếu – Tổng Giám đốc Công ty) để thuê căn nhà có địa chỉ tại số S-16, Dự án Saigon Pearl, 92 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng thuê nhà số 01/HĐTN-CNHCM/2016 ký ngày 20 tháng 07 năm 2016. Thời hạn thuê nhà theo hợp đồng là 10 năm 6 tháng (đến hết 31 tháng 12 năm 2026).

5. Nợ xấu

Chi tiết xem tại phụ lục 01 (trang 38)

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	314.791.578	-	494.258.665	-
Công cụ, dụng cụ	13.352.838	-	15.578.317	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	21.368.753.564	-	18.273.357.540	-
Hàng hóa	121.968.282.427	-	105.059.994.056	(1.928.520.308)
Cộng	143.665.180.407	-	123.843.188.578	(1.928.520.308)

7. Chi phí trả trước**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	18.058.334	175.946.019
Chi phí bảo hiểm	324.018.088	720.010.870
Cộng	342.076.422	895.956.889

b) Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	527.384.799	309.195.060
Chi phí sửa chữa	856.680.353	1.369.251.673
Cộng	1.384.065.152	1.678.446.733

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	7.573.263.992	10.012.199.218	6.062.163.165	362.082.352	1.142.976.359	25.152.685.086
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(621.003.636)	-	-	(621.003.636)
Số cuối kỳ	7.573.263.992	10.012.199.218	5.441.159.529	362.082.352	1.142.976.359	24.531.681.450
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.723.546.749	198.181.818	136.127.619	166.732.352	-	2.224.588.538
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	4.415.533.249	2.293.931.517	4.221.075.411	265.266.020	412.832.791	11.608.638.988
Khấu hao trong kỳ	268.476.626	513.160.248	216.019.591	15.535.002	29.993.160	1.043.184.627
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(298.426.764)	-	-	(298.426.764)
Số cuối kỳ	4.684.009.875	2.807.091.765	4.138.668.238	280.801.022	442.825.951	12.353.396.851
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	3.157.730.743	7.718.267.701	1.841.087.754	96.816.332	730.143.568	13.544.046.098
Số cuối kỳ	2.889.254.117	7.205.107.453	1.302.491.291	81.281.330	700.150.408	12.178.284.599

Một số tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 1.533.427.273 VND và 188.361.379 VND đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lưu Xá.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	89.783.584.720	290.000.000	90.073.584.720
Giảm do thanh lý		(290.000.000)	(290.000.000)
Số cuối kỳ	89.783.584.720	-	89.783.584.720
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	10.660.178.573	290.000.000	10.950.178.573
Khấu hao trong kỳ	726.830.358	-	726.830.358
Giảm do thanh lý	-	(290.000.000)	(290.000.000)
Số cuối kỳ	11.387.008.931	-	11.387.008.931
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	79.123.406.147	-	79.123.406.147
Số cuối kỳ	78.396.575.789	-	78.396.575.789

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất không thời hạn tại KCV Bắc Tượng Đài, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng với nguyên giá và giá trị còn lại là 35.513.584.720 VND đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Thái Nguyên.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Ghi giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Công trình nhà hàng Thuận Việt	24.914.405.920	-	-	24.914.405.920
Cộng	24.914.405.920	-	-	24.914.405.920

Là dự án Nhà hàng Thuận Việt được Sở xây dựng thành phố Đà Nẵng cấp giấy phép xây dựng số 677/GPXD ngày 31 tháng 03 năm 2017. Theo đó, Công ty được phép xây dựng nhà hàng tại Lô đất số 1+2A14-6 Khu Công viên Bắc Tượng Đài, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

11. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần khai khoáng Luyện kim Bắc Việt (*)	135.000.000.000	-	135.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ thương mại và đầu tư Hưng Phát (**)	38.000.000.000	-	38.000.000.000	-
Cộng	173.000.000.000	-	173.000.000.000	-

(*) Theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0102318592 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty Cổ phần Thương mại và khai thác Khoáng sản Dương Hiếu đầu tư vào Công ty Cổ phần khai thác luyện kim Bắc Việt là 135.000.000.000 VND, tương đương 45% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(**) Theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 5300734699 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 20 tháng 11 năm 2017, Công ty Cổ phần Thương mại và khai thác Khoáng sản Dương Hiếu đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại và Đầu tư Hưng Phát là 38.000.000.000 VNĐ, tương đương 31,67% vốn điều lệ.

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2020 ngày 29 tháng 06 năm 2020 của Công ty đã thông qua tờ trình số 12/TTr-ĐHĐCĐ về việc thoái vốn tại Công ty liên doanh liên kết. Theo đó, Hội đồng quản trị Công ty đánh giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần khai khoáng Luyện kim Bắc Việt và Công ty Cổ phần Công nghệ thương mại và đầu tư Hưng Phát không mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty, đồng thời đề xuất thoái 100% số vốn đã góp vào 2 Công ty nói trên để thu hồi vốn. Thời điểm thực hiện dự kiến bắt đầu từ quý 3 năm 2020.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả các bên liên quan	71.563.200	71.563.200	-	-
Bà Nguyễn Thị Hoài Giang	71.563.200	71.563.200	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	85.427.390.624	85.427.390.624	56.261.085.718	56.261.085.718
Công ty TNHH kinh doanh và Thương mại Hùng Sơn	10.009.314.480	10.009.314.480	20.018.115.810	20.018.115.810
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Đại Nam Phát	18.864.947.339	18.864.947.339	-	-
Công ty Cổ phần Kim khí Bắc Thái	23.584.787.354	23.584.787.354	23.503.518.763	23.503.518.763
Công ty TNHH Thương mại Thiên Phúc Thái Nguyên	10.149.997.077	10.149.997.077	-	-
Các nhà cung cấp khác	22.818.344.374	22.818.344.374	12.739.451.145	12.739.451.145
Cộng	85.498.953.824	85.498.953.824	56.261.085.718	56.261.085.718

13. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	844.431.225	43.367.999
Bà Trần Thị Thu Hà	490.000.000	-
Bà Cao Thị Thôi	630.153.000	-
Bà Trần Thị Lý	541.792.334	437.824.334
Công ty TNHH HB Minh Đức	-	14.621.983.950
Công ty CP vật tư nông nghiệp Vàm Cò Đông	-	1.856.619.552
Các khách hàng khác	1.960.013.548	4.478.672.383
Cộng	4.466.390.107	21.438.468.218

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	61.111.116	335.980.708	-	397.091.824
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	758.804.310	742.326.607	16.477.703
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.129.230.171	1.125.999.249	3.230.922
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.187.737.622	158.441.833	350.252.439	1.995.927.016
Thuế thu nhập cá nhân	106.321.374	27.431.426	53.621.682	80.131.118
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		9.449.698	9.449.698	-
Cộng	<u>2.355.170.112</u>	<u>2.419.338.146</u>	<u>2.281.649.675</u>	<u>2.492.858.583</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%. Chi tiết tại thuyết minh VI.9

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	-	145.841.263
Thù lao Hội đồng quản trị	62.100.000	62.100.000
Chi phí thuê khoán	1.801.080.147	1.661.673.916
Chi phí phải trả khác	-	55.415.000
Cộng	<u>1.863.180.147</u>	<u>1.925.030.179</u>

16. Phải trả khác**Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	123.041.904	124.201.488
Bảo hiểm y tế	22.588.366	22.594.428
Bảo hiểm thất nghiệp	12.396.617	9.757.006
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	121.296.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	9.645.262	-
Cộng	<u>167.672.149</u>	<u>277.848.922</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính

a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- CN Lưu Xá (a)	7.720.737.515	7.720.737.515	9.923.007.827	9.923.007.827
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên (b)	98.220.163.478	98.220.163.478	109.933.049.509	109.933.049.509
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên(Thấu chi)		-	4.994.456.937	4.994.456.937
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên(Visa)	388.921.474	388.921.474	667.155.909	667.155.909
Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	-	-	209.250.000	209.250.000
Cộng	106.329.822.467	106.329.822.467	125.726.920.182	125.726.920.182

(a) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Lưu Xá theo hợp đồng số 01/2019-HĐCVHM/NHCT224-DUONGHIEU ngày 10/11/2019 với hạn mức vay là 35.000.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động với thời hạn 01 năm, lãi suất vay theo từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay chi tiết theo các hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp số 11021136 ngày 22/09/2011, tài sản thế chấp là Thửa đất số 18, phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2701120246 ngày 31/12/1998 cùng tài sản gắn liền với đất và các loại giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của gia đình Ông Dương Quang Sơn và Bà Nguyễn Thị Kim Loan (Anh trai và chị dâu Ông Dương Hữu Hiếu - Tổng Giám đốc Công ty).

- Hợp đồng thế chấp số 11021138 ngày 22/09/2011, tài sản thế chấp là Thửa đất số 443, phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số T397993 ngày 27/6/2001 cùng tài sản gắn liền với đất và các loại giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Ông Dương Hữu Hiếu - Tổng Giám đốc Công ty.

- Hợp đồng thế chấp số 15021109/HĐTC-DUONGHIEU ngày 19/10/2015, tài sản thế chấp là Căn hộ 307 tòa nhà G03, KĐT Nam Thăng Long, quận Tây Hồ Hà Nội được UBND quận Tây Hồ cấp theo GCN:268/QĐUB ngày 25/02/2014 cùng tài sản gắn liền với đất và các loại giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Bà Nguyễn Thị Hoài Giang (Vợ Ông Dương Hữu Hiếu - Tổng Giám đốc Công ty).

- Hợp đồng thế chấp số 08042017 ngày 10/04/2017, tài sản thế chấp là Xe ô tô con tải HiluxG, biển số 29C-329.80, GCN đăng ký xe số 202519 do CATP Hà Nội cấp ngày 21/03/2014, số khung: MR0FZ29G402538430, số máy: 1KDU494200. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu.

- Hợp đồng thế chấp số 07042017 ngày 10/04/2017, tài sản thế chấp là Xe ô tô con Toyota Fortuner, biển số 92C-014.60, GCN đăng ký xe số 004160 do CA tỉnh Quảng Nam cấp ngày 05/01/2013, số khung: RL4ZR69G5C4015561, số máy: 2KDU170271. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu.

(b) Là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng số 36253.20.090.491629.TD ngày 28/07/2020 với hạn mức tín dụng là 70.000.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay không quá 06 tháng với lãi suất vay theo từng kế ước nhận nợ. Tài sản bảo đảm khoản vay chi tiết như sau:

- Bất động sản tại KCV Bắc Tượng Đài, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 431744, số vào sổ cấp GCN: CH01303 do UBND Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng cấp ngày

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

09/05/2011; Bất động sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 556590, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: H12854 do UBND Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng cấp ngày 26/12/2007. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu.

- Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán nhà số S16/2015/MB ngày 30/06/2015 giữa Công ty TNHH Vietnam Land SSG và bà Nguyễn Thị Hoài Giang về việc mua bán căn nhà số S-16, địa chỉ: 92 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, dự án Saigon Pearl. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Bà Nguyễn Thị Hoài Giang (Vợ Ông Dương Hữu Hiếu - Tổng Giám đốc Công ty).

Chi tiết phát sinh về các khoản vay trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Lãi vay nhập gốc	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	119.856.057.336	125.219.292.517	-	(139.134.448.860)	105.940.900.993
Vay thấu chi	4.994.456.937	1.006.823.732	-	(6.001.280.669)	-
Vay visa	667.155.909	7.431.756	45.420.305	(331.086.496)	388.921.474
Vay dài hạn đến hạn trả	209.250.000	-	-	(209.250.000)	-
Cộng	125.726.920.182	126.233.548.005	45.420.305	(145.676.066.025)	106.329.822.467

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Là khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng số 15117.17.092.491629.TD ngày 18/08/2017 với số gốc vay là 837.000.000 đồng, mục đích vay để mua 01 xe ô tô Toyota Fortuner, thời hạn vay 48 tháng với lãi suất vay là 9,5%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay. Chi tiết số phát sinh khoản vay trong kỳ như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	156.937.500
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(156.937.500)
Số cuối kỳ	-

18. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	313.961.800.000	(143.500.000)	29.021.558.474	11.047.058.543	353.886.917.017
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	4.674.080.100	4.674.080.100
Phân phối các quỹ	-	-	1.262.154.015	(1.893.231.022)	(631.077.007)
Số dư cuối năm trước	313.961.800.000	(143.500.000)	30.283.712.489	13.827.907.621	357.929.920.110
Số dư đầu năm nay	313.961.800.000	(143.500.000)	30.283.712.489	13.827.907.621	357.929.920.110
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	487.274.054	487.274.054
Phân phối các quỹ (*)	-	-	934.816.020	(1.402.224.030)	(467.408.010)
Số dư cuối kỳ	313.961.800.000	(143.500.000)	31.218.528.509	12.912.957.645	357.949.786.154

(*) Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2020 ngày 29 tháng 06 năm 2020 của Công ty quyết định phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

Trích lập quỹ đầu tư phát triển : 20% lợi nhuận sau thuế năm 2019

Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi : 10% lợi nhuận sau thuế năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.396.180	31.396.180
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.396.180	31.396.180
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>31.396.180</i>	<i>31.396.180</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.396.180	31.396.180
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>31.396.180</i>	<i>31.396.180</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**A, Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	180,180	869,22
Euro (EUR)	-	100,08

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	252.576.647.633	677.861.872.401
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.910.710.065	134.862.271
Cộng	<u>261.487.357.698</u>	<u>677.996.734.672</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán	235.891.573.318	659.171.237.385
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13.568.186.247	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.928.520.308)	-
Cộng	<u>247.531.239.257</u>	<u>659.171.237.385</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.973.649	5.767.366
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	53.982.119
Cộng	<u>1.973.649</u>	<u>59.749.485</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.069.765.263	4.457.247.211
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	130.233.612	59.008.178
Cộng	5.199.998.875	4.516.255.389

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.484.826.731	2.099.999.598
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.500.000	13.939.998
Chi phí dịch vụ mua ngoài	402.005.313	1.194.655.654
Chi phí bằng tiền khác	1.100.823.885	393.222.262
Cộng	2.995.155.929	3.701.817.512

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.303.202.825	2.503.100.569
Chi phí vật liệu quản lý	84.383.248	220.978.138
Chi phí đồ dùng văn phòng	455.723.372	40.227.288
Chi phí khấu hao TSCĐ	345.357.385	822.589.788
Thuế, phí và lệ phí	164.660.644	215.429.972
Chi phí dự phòng	2.749.770	41.852.273
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.047.045.000	39.002.031
Chi phí bằng tiền khác	659.934.330	3.919.093.533
Cộng	5.063.056.574	7.802.273.592

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	131.968.583	51.078.731
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	64.952.525	-
Thu nhập khác	156.684.104	4.269.271
Cộng	353.605.212	55.348.002

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao HĐQT, BKS	69.000.000	-
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế, BHXH	4.660.517	1.882.682.842
Phạt vi phạm hợp đồng	-	24.385.625
Baba bị thiệt hại trong kỳ	261.276.759	-
Chi phí khác	72.832.761	234.203.971
Cộng	407.770.037	2.141.272.438

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	645.715.887	778.975.843
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	146.493.278	986.301.477
Các khoản điều chỉnh giảm	146.493.278	986.301.477
Thu nhập chịu thuế	792.209.165	1.765.277.320
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	158.441.833	353.055.464
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành	158.441.833	353.055.464

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	487.274.054	425.920.379
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	487.274.054	425.920.379
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	31.396.180	31.396.180
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15,52	13,57

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.610.306.273	7.071.516.688
Chi phí nhân công	3.884.412.866	4.701.176.560
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.770.014.985	1.760.134.906
Chi phí phân bổ CCDC	460.473.372	1.320.258.916
Thuế, phí lệ phí	171.030.360	46.131.184
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.654.485.209	5.148.016.462
Chi phí khác	1.865.952.285	2.870.152.501
Cộng	25.416.675.350	22.917.387.217

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ đơn vị phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

Lãi vay nhập gốc (Thẻ Visa)

Kỳ này
45.420.305

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Chi tiết giao dịch với thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ như sau.

Bà Nguyễn Thị Hoài Giang – Vợ ông Dương Hữu Hiếu

Phải trả tiền thuê nhà

Kỳ này
71.563.200

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ như sau:

Thu nhập từ Tiền lương, thưởng

Kỳ này
398.432.000

Kỳ trước
388.021.000

Công nợ với cá nhân có liên quan được trình bày tại Thuyết minh số V.4b, V.12.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Công ty

A, Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ tại khu vực như sau:

Khu vực miền Bắc	Văn phòng Thái Nguyên và Chi nhánh Hà Nội
Khu vực miền Trung	Chi nhánh Quảng Nam và Chi nhánh Đà Nẵng
Khu vực miền Nam	Chi nhánh TPHCM

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Khu vực miền Bắc	Khu vực miền Trung	Khu vực miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	229.670.176.177	1.968.401.390	29.848.780.131		261.487.357.698
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	3.046.938.310	229.190.051	34.634.650.476	(37.910.778.837)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	232.717.114.487	2.197.591.441	64.483.430.607	(37.910.778.837)	261.487.357.698
Chi phí theo bộ phận	227.202.557.945	1.112.178.092	60.122.437.986	(37.910.778.837)	250.526.395.186
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.514.556.542	1.085.413.349	4.360.992.621	-	10.960.962.512
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					5.063.056.574
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					5.897.905.938
Doanh thu hoạt động tài chính					1.973.649
Chi phí tài chính					5.199.998.875
Thu nhập khác					353.605.212
Chi phí khác					407.770.037
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					158.441.833
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					487.274.054
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	130.108.363	-	-	-	130.108.363
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.237.265.731	286.580.084	670.659.114	-	2.194.504.929

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Khu vực miền Bắc	Khu vực miền Trung	Khu vực miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	651.985.320.951	23.594.743.928	102.424.205.640	(217.275.896.857)	560.728.373.662
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					-
Tổng tài sản					560.728.373.662
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	292.012.583.509	23.594.743.926	102.449.205.640	(217.273.872.583)	200.782.660.492
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					1.995.927.016
Tổng nợ phải trả					202.778.587.508

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.422.125.617	37.866.731.759	5.422.125.617	37.866.731.759
Phải thu khách hàng	57.670.423.469	101.487.586.896	57.670.423.469	101.487.586.896
Các khoản phải thu khác	56.078.114.822	8.243.682.388	56.078.114.822	8.243.682.388
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	173.000.000.000	173.000.000.000	173.000.000.000	173.000.000.000
Cộng	292.170.663.908	320.598.001.043	292.170.663.908	320.598.001.043
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	106.329.822.467	125.883.857.682	106.329.822.467	125.883.857.682
Phải trả người bán	85.498.953.824	56.261.085.718	85.498.953.824	56.261.085.718
Các khoản phải trả khác	2.541.768.754	4.437.502.244	2.541.768.754	4.437.502.244
Cộng	194.370.545.045	186.582.445.644	194.370.545.045	186.582.445.644

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	106.329.822.467	-	-	106.329.822.467
Phải trả người bán	85.498.953.824	-	-	85.498.953.824
Các khoản phải trả khác	2.541.768.754	-	-	2.541.768.754
Cộng	194.370.545.045	-	-	194.370.545.045
Số đầu năm				
Vay và nợ	125.726.920.182	156.937.500	-	125.883.857.682
Phải trả người bán	56.261.085.718	-	-	56.261.085.718
Các khoản phải trả khác	4.437.502.244	-	-	4.437.502.244
Cộng	186.425.508.144	156.937.500	-	186.582.445.644

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TPP.

Lập ngày 10 tháng 08 năm 2020

Người lập biểu

Hà Thị Hải Yến

Kế toán trưởng

Đặng Thiệu Hoa

Tổng Giám đốc



Dương Hữu Hiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, P. Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Phụ lục 1: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi**

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Việt Nhật Sản xuất và Thương mại	từ 2 năm đến 3 năm	75.468.100	52.827.670	1 năm đến 2 năm	75.468.100	37.734.050
Công ty TNHH Thiên Bình An	từ 2 năm đến 3 năm	59.162.400	41.413.680	từ 1 năm đến 2 năm	74.162.400	37.081.200
Công ty TNHH ECOBA Công nghệ Môi trường	đã thu hồi công nợ	-	-	từ 6 tháng đến 1 năm	55.587.765	16.676.330
Công ty TNHH Xây Dựng Dân dụng Và Công Nghiệp Nam Việt	từ 1 năm đến 2 năm	1.028.983.852	514.491.926	từ 1 năm đến 2 năm	1.028.983.852	514.491.926
Chi nhánh Công ty CP xây lắp Thành An 96 tại Đà Nẵng	từ 2 năm đến 3 năm	150.000.000	105.000.000	từ 2 năm đến 3 năm	150.000.000	105.000.000
Công ty TNHH thương mại Dịch Sơn	Quá hạn trên 3 năm	17.686.743.131	17.686.743.131	Quá hạn trên 3 năm	17.686.743.131	17.686.743.131
Cộng		19.000.357.483	18.400.476.407		19.070.945.248	18.397.726.637